

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:606/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Thịnh Quang Thắng.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Hoàng Hường Dương**

2/ Bà **Ngô Thị Yên**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Yến** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Vân** – Kiểm sát viên.

Ngày 31-8-2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 358/2022/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2022. Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST ngày 12/8/2022. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Bùi Thị N, sinh ngày 04/10/1991; Nơi thường trú: Xóm 5, xã V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Tạm trú: Số nhà 10, ngõ 22, Đội 1, thôn N, xã K, huyện Đ, Hà Nội; Có mặt*

2. Bị đơn: *Anh Lý Minh N1, sinh ngày 20/5/1990; Nơi thường trú: Xóm 5, xã V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Tạm trú: Số nhà 10, ngõ 22, Đội 1, thôn N, xã K, huyện Đ, Hà Nội; Có đơn xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2022, các lời khai bổ sung, chị Bùi Thị N - nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Chị với anh Lý Minh N1 kết hôn ngày 07/2/2014, có đăng ký kết hôn UBND xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Trước khi cưới anh chị có tự do tìm hiểu. Sau khi cưới chị về chung sống và chuyển khẩu về cùng với gia đình anh N1 tại Xóm 5, xã V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Sau đó một thời gian thì vợ chồng

xuống thuê trọ tại thôn N, xã K, huyện Đ, Hà Nội để đi làm công nhân. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tháng 01/2022, vợ chồng chị ly thân. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn chị xin ly hôn anh N1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lý Bùi Bảo N3, sinh ngày 22/2/2014, Lý Hoài P, sinh ngày 28/7/2016. Hiện cháu N3 đang ở với bố mẹ đẻ chị, còn cháu P đang ở với ông bà nội. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N3 vì cháu hiện đang học và ăn ở ổn định bên gia đình chị, còn anh N1 nuôi cháu P. Hiện nay chị đang công nhân ở khu công nghiệp Bắc Thăng Long, thu nhập bình quân là 8.000.000đ/tháng.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai của anh N1 ngày 19/8/2022, anh N1 trình bày:**

Anh với chị N kết hôn ngày 07/2/2014, có đăng ký kết hôn UBND xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Trước khi cưới chúng chị có tự do tìm hiểu. Sau khi cưới chị N về chung sống và chuyển khẩu về cùng với gia anh tại Xóm 5, xã V, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Sau đó một thời gian thì vợ chồng xuống thuê trọ tại thôn N, xã K, huyện Đ, Hà Nội để đi làm công nhân. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tháng 01/2022, vợ chồng anh chị ly thân. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh xác định tình cảm không còn anh đồng ý ly hôn chị N. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lý Bùi Bảo N3, sinh ngày 22/2/2014, Lý Hoài P, sinh ngày 28/7/2016. Ly hôn chị N nuôi dưỡng cháu N3, còn anh nuôi cháu P. Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

+ Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh N1 ; Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Lý Bùi Bảo N3, sinh ngày 22/2/2014, Lý Hoài P, sinh ngày 28/7/2016. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N3. Còn cháu P để anh N1 nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết và vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì. Bị đơn không chấp quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án nên cần kiến nghị, nhắc nhở.

- Về nội dung vụ án:

+ Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy căn cứ xin ly hôn của chị N là hợp pháp, việc chị N xin ly hôn là có căn cứ được chấp nhận.

+ Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Lý Bùi Bảo N3, sinh ngày 22/2/2014, Lý Hoài P, sinh ngày 28/7/2016. Ly hôn, giao chị N nuôi dưỡng cháu N3. Giao anh N1 nuôi dưỡng cháu P. Chị N không yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị N phải chịu cả

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Chị N kết hôn với anh Lý Minh N1 ngày 07/2/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Anh N1 hiện cư trú tại thôn Nhuế, xã Kim Chung, Đông Anh, huyện Đ, Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh Lý Minh N1, nhưng anh N1 có đơn xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử vụ án. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Anh tiến hành xét xử vắng mặt anh Lý Minh N1 là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Bùi Thị N và anh Lý Minh N1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 01/2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng chị N, anh N1 đã ly thân từ tháng 1/2022 đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh N1 đồng ý ly hôn.

Xét thấy, anh chị đã sống ly thân từ tháng 1/2022 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Anh chị đều đồng ý ly hôn. Từ phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh N1 đã quá căng thẳng và trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc

chị N xin ly hôn với anh N1 là có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật nên được chấp nhận là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị N, anh N1 có 02 con chung là Lý Bùi Bảo N3, sinh ngày 22/2/2014, Lý Hoài P, sinh ngày 28/7/2016. Ly hôn, anh chị đều có ý kiến là chị N nuôi dưỡng cháu N3, anh N1 nuôi dưỡng cháu P.

Xét yêu cầu nuôi con của các bên: Việc các bên đều thống nhất về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ. Do đó, giao cháu P cho anh N1 nuôi dưỡng và giao cháu N3 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi chung cho đến khi nào các con thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N đối với anh Lý Minh N1. Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Lý Minh N1.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Bùi Bảo N3, sinh ngày 22/2/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lý Hoài P, sinh ngày 28/7/2016 cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh N1,

chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2020/0046577 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Chị Bùi Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lý Minh N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Đông Anh;
- THA Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;

Thịnh Quang Thắng